

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 29- 6- 2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình
2. Bà Quách Thị Anh Thơ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: Ông Lê Tiến Nghị- Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Nhật V, sinh năm 1984
Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Phạm Kỳ D và bà Lưu Thị Kiều Tr- Luật sư của Công ty Luật TNHH Hà Trọng Đ và Cộng sự thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: chị Hà Thị T, sinh năm 1989
Nơi ĐKKHKT: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.
Chỗ ở hiện nay: thôn A, xã T, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang

(Tại phiên tòa có mặt anh V và bà Lưu Thị Kiều Tr; vắng mặt ông Phạm Kỳ D. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Nhật V trình bày:

Anh kết hôn tự nguyện với chị Hà Thị T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tháng 12/2021 âm lịch, chị T đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị T ở thôn An Khang, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay chị T không về gia đình nhà chồng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn chị T.

Anh và chị T có 01 con chung là Trần Nhật P, sinh ngày 05/10/2020. Hiện nay con chung đang ở với anh. Mặc dù con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nhưng trong quá trình chung sống và nuôi con, chị T luôn có những hành động xấu, tiêu cực làm ảnh hưởng đến sức khỏe của chị T cũng như của con chung. Chi Hội phụ nữ thôn cũng như nhiều người dân trong thôn nơi anh cư trú đã có đơn trình bày gửi Tòa án về việc chị T thường xuyên đánh con và có những hành động không bình thường. Vì vậy, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hà Thị T trong biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thực hiện ủy thác đã khai nhận về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn đúng như anh V trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến tháng 10/2020 sau khi chị sinh con xong thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh V nhiều lần chửi mắng, đánh đập chị. Tháng 12/2021 âm lịch, anh V đánh đuổi chị nên chị đã về quê ở thôn A, xã T, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị nhất trí ly hôn với anh V và nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết ly hôn theo yêu cầu của anh V.

Chị và anh V có 01 con chung là Trần Nhật P, sinh ngày 05/10/2020. Hiện nay con chung đang ở với anh V. Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh V góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Chị T không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, không có nơi ở ổn định, rõ ràng. Gia đình bố mẹ đẻ chị T thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh kinh tế vô cùng khó khăn. Chị T thường xuyên có hành động quát mắng, đánh con. Chị T không đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; trong khi anh V có nơi ở, công việc thu nhập ổn định và đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung rất tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng để con chung được hưởng môi trường sống và điều kiện phát triển tốt nhất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân, cần xử cho anh V được ly hôn chị T; về quan hệ con chung, cần xử giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nhật P, sinh ngày 05/10/2020. Chị T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V; về quan hệ tài sản, không đặt ra giải quyết. Anh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Hà Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Nhật V và chị Hà Thị T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng và đã ly thân từ tháng 12/2021 âm lịch cho đến nay. Chị T cũng nhất trí ly hôn với anh V. Xét mâu thuẫn giữa anh V và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của anh V, xử cho anh V được ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi dưỡng con chung: Xét nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của anh V và chị T, thấy: Con chung hiện còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi,

theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được nhiều đơn trình bày của đại diện Chi hội phụ nữ thôn và một số người dân trong thôn Mỹ Thịnh, xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đều có nội dung phản ánh việc chị T thường xuyên có hành động đánh con như: “Chị T bế cháu P khi cháu chưa được 03 tháng tuổi lên mái nhà đứng khi trời rét, dốc ngược cháu P đánh chảy máu miệng, chị T còn tự cắt tóc mình và cào cấu anh V khi không đánh được con..... Chị T cầm chân con dốc ngược lên và đánh vào mông cháu bé đổ lên....Chị T cho con ngồi trên khung xe máy và điều khiển xe rất nhanh. Chị T còn có hành vi tự lấy bút bi đâm chân mình chảy máu và không ít lần xách nách cháu bé rồi vật đầu cháu rất mạnh...” Tòa án đã tiến hành xác minh theo nội dung các đơn trình bày trên, kết quả: đại diện cơ sở thôn, Chi hội phụ nữ thôn và một số người dân có đơn đều xác nhận toàn bộ nội dung trong đơn trình bày là phản ánh đúng sự thật và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung nêu trong các đơn trình bày. Do chị T thường xuyên có hành động đánh con và có những biểu hiện không bình thường về tính cách, tinh thần nên tất cả những người có đơn trình bày trên đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường cho con chung của anh V, chị T. Về phía anh V không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tinh thần đối với chị T.

Về phía chị T, kết quả xác minh tại cơ sở thôn nơi chị T đang cư trú xác định: chị T đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị T, gia đình bố mẹ đẻ chị T thuộc hộ nghèo, đông con trong đó có 01 người con gái bị thiếu năng trí tuệ đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; chị T có nhận thức chậm, không nhanh nhẹn, chỉ phụ giúp bố mẹ công việc nhà và làm ruộng.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mặc dù theo quy định của pháp luật: con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi nhưng đánh giá điều kiện nuôi con của chị T thấy: chị T hiện không có nghề nghiệp ổn định và đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị T. Gia đình bố mẹ đẻ chị T thuộc diện hộ nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn; đông con trong đó có một người con gái bị thiếu năng trí tuệ đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng. Vì vậy, chị T không có điều kiện tốt để nuôi dưỡng con chung. Bản thân chị T đã đi khỏi gia đình nhà chồng từ tháng 12/2021 âm lịch và anh V là người trực tiếp nuôi con ổn định đến nay. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển bình thường của con chung, cần

giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh V là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: Anh V và chị T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Nhật V được ly hôn chị Hà Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Trần Nhật V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nhật P, sinh ngày 05/10/2020. Chị T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Nhật V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003568 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Nhật V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hà Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã T, H. Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng